

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2012/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 14 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm
trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 10/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Kôi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lí dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2012/QĐ-UBND

ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lí dạy thêm, học thêm; trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép dạy thêm; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; điều kiện bảo đảm chất lượng dạy thêm, học thêm; mức thu và sử dụng tiền dạy thêm.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Mục đích của việc dạy thêm, học thêm

Việc dạy thêm, học thêm nhằm mục đích rèn luyện kĩ năng, củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức, giáo dục nhân cách đối với người học và quản lí học sinh ngoài giờ học chính khóa theo yêu cầu của gia đình người học.

Điều 3. Nguyên tắc dạy thêm, học thêm

1. Nguyên tắc dạy thêm, học thêm phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều 3 của Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2012/ TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Thông tư số: 17/2012/TT-BGDĐT) và tại quy định này.

2. Không dạy thêm quá số buổi và thời gian quy định.

3. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

4. Những trường hợp dạy thêm, học thêm không đúng quy định phải được đình chỉ hoạt động và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các trường hợp không được dạy thêm; dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường

Các trường hợp không được dạy thêm; tổ chức dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường phải đúng theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 của Quy định về dạy

thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ DẠY THÊM, HỌC THÊM VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP, GIA HẠN VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP DẠY THÊM

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Thực hiện trách nhiệm tại Điều 16 của Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai tổ chức thực hiện, trình công bố bổ sung thủ tục hành chính, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân về dạy thêm, học thêm theo thẩm quyền.

3. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện trách nhiệm tại Điều 17 Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

2. Chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật về dạy thêm, học thêm trên địa bàn quản lý.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, đôn đốc, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về dạy thêm, học thêm trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo

1. Thực hiện trách nhiệm tại Điều 18 của Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện; đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về dạy thêm, học thêm theo thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường và thủ trưởng các cơ sở giáo dục

1. Thực hiện trách nhiệm tại Điều 19 của Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

2. Tổ chức và quản lý dạy thêm, học thêm trong nhà trường, đảm bảo quyền lợi của người dạy và người học; kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường và ngoài nhà trường của giáo viên, cán bộ, nhân viên do trường mình quản lý.

3. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về dạy thêm, học thêm và những quyết định khác về dạy thêm, học thêm của cơ quan có thẩm quyền.

4. Phối hợp với các cơ quan chức năng trong quản lý, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân về dạy thêm, học thêm có liên quan đến nhà trường và cơ sở giáo dục.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường

1. Thực hiện trách nhiệm tại Điều 20 của Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

2. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc quyết định kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về dạy thêm, học thêm của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 10. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm

1. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14 của Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

2. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm lập 01 bộ hồ sơ, bao gồm những nội dung được quy định tại Điều 12 Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện cấp giấy phép, gia hạn giấy phép, thu hồi giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với các trường hợp dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông;

4. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện cấp giấy phép, gia hạn giấy phép, thu hồi giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với các trường hợp tổ chức dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình tiểu học, trung học cơ sở hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học cơ sở.

Chương III**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ MỨC THU, SỬ DỤNG
TIỀN HỌC THÊM****Điều 11. Tiêu chuẩn đối với người dạy thêm; người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm; Cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm**

Thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9, 10 của Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

Điều 12. Số lượng học sinh, thời gian, địa điểm dạy thêm học thêm

1. Số lượng học sinh tối đa không quá 45 học sinh trên một lớp.
2. Địa điểm dạy thêm, học thêm trong nhà trường do Ban Giám hiệu nhà trường sắp xếp.
3. Địa điểm dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường do tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm chuẩn bị.
4. Thời gian dạy thêm, học thêm đối với các lớp học trong nhà trường.
 - a) Thời gian học thêm đối với cấp Trung học cơ sở tối đa 02 buổi/tuần/lớp (mỗi buổi không quá 03 tiết);
 - b) Thời gian học thêm đối với cấp Trung học phổ thông, Bỏ túc trung học phổ thông tối đa 03 buổi/tuần/lớp (mỗi buổi không quá 04 tiết);
 - c) Trường hợp ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông thời gian học thêm tối đa 05 buổi/tuần/lớp (mỗi buổi không quá 04 tiết);
 - d) Trường hợp ôn thi tuyển sinh cao đẳng, đại học: Các nhà trường bố trí thời gian phù hợp với nguyện vọng của người học sao cho không quá 3 buổi/tuần/lớp (mỗi buổi không quá 4 tiết).
 - e) Trường hợp các nhà trường tổ chức đồng thời hai loại hình ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và ôn thi tuyển sinh cao đẳng, đại học thì tổng thời gian học thêm không được tổ chức quá 05 buổi/tuần.
5. Thời gian dạy thêm, học thêm đối với các lớp học do tổ chức, cá nhân khác tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường do tổ chức, cá nhân thỏa thuận với người học về thời gian dạy thêm, học thêm cho phù hợp.

Điều 13. Mức thu tiền học thêm

1. Mức thu tiền của học sinh để chi trả cho 01 tiết dạy thêm của giáo viên (bao gồm cả việc chi cho công tác quản lý, cơ sở vật chất, quỹ phúc lợi) căn cứ vào mức lương tối thiểu chung theo quy định hiện hành và được thu theo tháng. Cụ thể:

a) Dạy thêm cho những học sinh có nguyện vọng củng cố, bổ sung kiến thức; ôn thi tuyển sinh Trung học phổ thông cho học sinh lớp 9; ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông cho học sinh lớp 12: mức thu tiền học thêm không vượt quá 12% mức lương tối thiểu chung/một tiết dạy;

b) Trong trường hợp ôn thi tuyển sinh đại học, cao đẳng cho học sinh lớp 12: Mức thu tiền học thêm không vượt quá 18% mức lương tối thiểu chung/một tiết dạy.

2. Đối với các lớp dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường mức thu để chi trả cho một tiết dạy do người dạy và người học thỏa thuận, nhưng không vượt quá 110% mức thu của từng đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

Điều 14. Quản lý và sử dụng tiền dạy thêm, học thêm

1. Nhà trường, cơ sở giáo dục và tổ chức, cá nhân khác tổ chức dạy thêm, học thêm có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý tài chính.

2. Nội dung chi đối với tiền thu học thêm trong nhà trường:

a) Chi thù lao 80% cho giáo viên trực tiếp giảng dạy;

b) Chi 10% cho công tác quản lý tại cơ sở;

c) Chi 5% cho tiền điện, nước, vệ sinh, mua sắm tài liệu, dụng cụ dạy thêm, bù hao mòn tài sản phục vụ dạy thêm, học thêm;

d) Chi 5% cho quỹ phúc lợi.

3. Nội dung chi đối với tiền thu học thêm ngoài nhà trường được sử dụng, chi trả theo sự thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm và người trực tiếp giảng dạy.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VỀ DẠY THÊM, HỌC THÊM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các tổ chức và đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT và Quy định này trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực dạy thêm, học thêm

1. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về dạy thêm, học thêm được thực hiện theo quy định tại Điều 21, 22 của Quy định về dạy thêm, học thêm ban

hành kèm theo Thông tư số: 17/2012/TT-BGDĐT và theo Quy định này.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quản lý vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Kôi

PHỤ LỤC

Quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Kèm theo Quyết định số 29/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
I	Mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL của HĐND, UBND					
1	Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản					
a	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân					
	- Nghị quyết mới hoặc thay thế	Đề cương	630.000	440.000	300.000	
	- Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Đề cương	500.000	350.000	250.000	
b	Quyết định của Ủy ban nhân dân					
	Quyết định mới hoặc thay thế	Đề cương	600.000	420.000	290.000	
	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Đề cương	500.000	350.000	250.000	
c	Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Đề cương	350.000	250.000	180.000	
2	Chi soạn thảo văn bản					
a	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:					
	Nghị quyết mới hoặc thay thế:	Dự thảo văn bản	2.800.000	1.960.000	1.370.000	

	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	2.450.000	1.720.000	1.200.000	
b	<i>Quyết định của Ủy ban nhân dân</i>					
	Quyết định mới hoặc thay thế	Dự thảo văn bản	2.200.000	1.500.000	1.050.000	
	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	1.900.000	1.300.000	900.000	
c	<i>Chỉ thị của Ủy ban nhân dân</i>	Dự thảo văn bản	1.400.000	980.000	680.000	
3	Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản					
a	Báo cáo/bản tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo văn bản	Báo cáo; bản tổng hợp	140.000	100.000	70.000	
b	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; ý kiến thẩm định, thẩm tra	Báo cáo	210.000	150.000	100.000	
c	<i>Báo cáo nhận xét, đánh giá, phân biện của chuyên gia độc lập; báo cáo của thành viên tham gia thẩm định, thẩm tra; báo cáo tham luận độc lập theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản</i>					
	Đối với dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, Quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	210.000	150.000	100.000	
	Đối với dự thảo Chỉ thị mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	140.000	100.000	70.000	

	Đối với Văn bản sửa đổi, bổ sung	Báo cáo	100.000	70.000	50.000	Báo cáo do các Sở, ban, ngành tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp có mức chi như báo cáo của cấp huyện; báo cáo do các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi phòng Tư pháp có mức chi như báo cáo của cấp xã.
<i>d</i>	<i>Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i>	Báo cáo	2.100.000	1.050.000	560.000	
4	Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản					
<i>a</i>	<i>Văn bản góp ý</i>					
	Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Văn bản	140.000	100.000	70.000	
	Đối với dự thảo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Văn bản	100.000	70.000	50.000	
b	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra					
	Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	350.000	250.000	175.000	

	Đối với dự thảo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	280.000	200.000	140.000	
5	Chi chính lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản	01 lần chính lý	100.000	70.000	50.000	
6	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây dựng, hoàn thiện văn bản và thi hành pháp luật					
a	Chủ trì	Người/buổi họp	150.000	150.000	150.000	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi họp	100.000	100.000	100.000	
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Văn bản	140.000	100.000	70.000	
7	Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu (nếu có)					
a	Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Trang	80.000	80.000	80.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
b	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Trang	100.000	100.000	100.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
c	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số	Trang	70.000	70.000	70.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc

